

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Ông Lê Minh Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Trần Thanh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H - sinh năm 1981 (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tuấn C - sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố 02, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Tuấn C tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V H ngày 09/3/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, ông C đi làm nhưng không đưa tiền cho bà nuôi con nên vợ chồng cãi vã, ông C bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Gần nửa năm nay bà và ông C không quan tâm đến cuộc sống của

nhau, mạnh ai nấy sống. Bà không còn tình cảm với ông C và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Trần Ngọc Như Q – sinh ngày 09/9/2012 và Trần Duy A – sinh ngày 24/11/2014. Từ khi ông C bỏ đi đến nay các con đều sống với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09 tháng 3 năm 2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Bị đơn là ông Trần Tuấn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị H tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2012; khi tổ chức đám cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà bà H; có đăng ký kết hôn tại UBND phường V H ngày 09/3/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10/11/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông làm nghề lái xe ba gác nên công việc thất thường, mặc dù hàng ngày ông đều đưa tiền cho bà H từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng để chi phí sinh hoạt trong gia đình nhưng bà H chê ít rồi cãi vã với ông. Sau đó bà H tự ý bán đất đai (đất do cha mẹ bà H cho bà H khi cưới ông) mà không nói với ông và bán chiếc xe ba gác của ông đang dùng làm phương tiện kiếm sống hàng ngày nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Ông bức tức nên bỏ nhà đi, gần nửa năm nay ông và bà H không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống. Ông không còn tình cảm với bà H và không muốn hàn gắn để tiếp tục chung sống nên đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Trần Ngọc Như Q – sinh ngày 09/9/2012 và Trần Duy A – sinh ngày 24/11/2014. Các con hiện sống với bà H; khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Q cho bà H nuôi dưỡng còn ông nuôi cháu A, ông và bà H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa ông đồng ý giao 02 con cho bà H nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Trần Tuấn C. Giao 02 con chung là cháu Trần Ngọc Như Q – sinh ngày 09/9/2012 và Trần Duy A – sinh ngày 24/11/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ. Bà H và ông C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn ông Trần Tuấn C có địa chỉ tại khu phố 02, phường V H, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; yêu cầu giải quyết người trực

tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt: BLTTDS); xác định yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 195 BLTTDS, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông C đều xác nhận tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2012, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2012 ngày 09/3/2012 của UBND phường V H, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Hội đồng xét xử khẳng định hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. *Về tình trạng hôn nhân:* Căn cứ lời khai của các bên đương sự thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2012 đến cuối năm 2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ cách cư xử, không tôn trọng nhau giữa vợ và chồng trong cuộc sống hàng ngày, chuyện tiền bạc rồi tự sống ly thân. Gần nửa năm nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn. Bà H và ông C đều khẳng định không thể về lại chung sống hạnh phúc nên thuận tình ly hôn. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H và ông C đều thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[2.3]. *Về con chung:* Bà H và ông C có 02 con chung tên là Trần Ngọc Như Q – sinh ngày 09/9/2012 và Trần Duy A – sinh ngày 24/11/2014. Xét yêu cầu của các bên đương sự, thấy rằng: Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông C bỏ đi, các con đều sống với bà H, do bà H chăm sóc, bà H có yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông C cũng đồng ý. Đối chiếu với công việc buôn bán và mức thu nhập bình quân hàng tháng của bà H khoảng 6.000.000 đồng; cũng như nguyện vọng của cháu Q là được sống với mẹ tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021, phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét nhu cầu thiết yếu cuộc sống của một đứa trẻ hiện nay và công việc hiện tại của ông C là lái xe ba gác, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng thì mức cấp dưỡng mà bà H yêu cầu là cao vì bên cạnh việc thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con còn phải đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày của ông C. Trong khi đó ý kiến của ông C không cấp dưỡng nuôi con là không thể đảm bảo quyền lợi và nhu cầu thiết yếu của các con trong cuộc sống hàng ngày. Do đó nghĩ nên buộc ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 700.000 đồng là phù hợp.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H và ông C không yêu cầu nên không có cơ sở để xem xét.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn. Ông C phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm phân cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Trần Tuấn C.

**2. Về con chung:** Giao bà Trần Thị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Ngọc Như Q – sinh ngày 09/9/2012 và Trần Duy A – sinh ngày 24/11/2014. Ông Trần Tuấn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng/ 01 người con; thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3. Về án phí:** Bà Trần Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023235 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; như vậy bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Tuấn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.**

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-4-2021).

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường V H (Số 40/2012, Quyền số 01/2011 ngày 09/3/2012);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Vũ Thị Hồng**